

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-8-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm Nhân dân: ông Nguyễn Văn Bảy và ông Trần Hữu Trung.

- Thư ký phiên tòa: bà Phùng Thị Oanh là Thư ký Tòa án Nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thị xã Đông Triều tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: ông Vũ Văn Táp - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại Phòng xử án Tòa án Nhân dân thị xã Đông Triều tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 04/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Thúy H sinh năm 1988, địa chỉ tổ 1, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Hồng N sinh năm 1980, địa chỉ tổ 1, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy H trình bày có nội dung:

- *Về tình trạng hôn nhân:* chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Nguyễn Hồng N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ 1, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, cuộc sống chung hạnh phúc được tám năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính cách hai người trái ngược nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Chị H và anh N đã

sống ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay, quá trình sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nếu hôn nhân tiếp tục duy trì, không đem lại hạnh phúc cho nhau. Vì vậy, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Nguyễn Hồng N.

- *Về con chung*: trong thời kỳ hôn nhân chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Nguyễn Hồng N có hai con chung Nguyễn Tùng D sinh ngày 13/10/2011 và Nguyễn Hồng L sinh ngày 16/5/2014, quan điểm của chị H nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với Nguyễn Tùng D 3.000.000^d/tháng. Trong quá trình giải quyết tại Tòa, chị H nhận thấy do tình hình dịch bệnh Covid 19 kéo dài khiến công việc của anh N gặp khó khăn nên chị H đã thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Nguyễn Hồng N không có tài sản chung, không có nợ chung, nên nay ly hôn chị H không có yêu cầu hay đề nghị gì.

Ngoài các yêu cầu trên, chị H không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Hồng N không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án, mặc dù đều nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án.

Tại Biên bản lấy lời khai của con chưa thành niên đối với cháu Nguyễn Tùng D sinh ngày 13/10/2011 và cháu Nguyễn Hồng L sinh ngày 16/5/2014 thể hiện nội dung cháu D và cháu L có nguyện vọng ở với chị H sau khi chị H ly hôn anh N.

Tại đơn xin xác nhận ngày 31/5/2022 và đơn trình bày ngày 02/8/2022 của chị H có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện nội dung chị H là chủ tiệm chăm sóc sắc đẹp thu nhập ổn định mười lăm triệu đồng mỗi tháng, hiện ba mẹ con chị H đang sinh sống tại căn nhà mượn của người cậu ruột của chị H, đảm bảo sinh hoạt cho ba mẹ con.

Xác minh tại địa phương trưởng khu Vĩnh Hòa, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều nơi chị H và anh N sinh sống cho biết: chị H và anh N có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều. Sau khi kết hôn chị H và anh N về sinh sống tại khu khu Vĩnh Hòa, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều. Quá trình sinh sống tại địa phương anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không nắm được bởi mâu thuẫn vợ chồng không yêu cầu địa phương hòa giải. Tuy nhiên địa phương được biết hiện nay chị H và anh N đã sống ly thân nhau, chị H không ở cùng nhà anh N nữa. Chị H và anh N có hai con chung còn bé đều ở với chị H cả, nên đối với việc chị H yêu cầu ly hôn, nuôi con sau ly hôn địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định để giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy H giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Nguyễn Hồng N, chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Tùng D sinh ngày 13/10/2011 và Nguyễn Hồng L sinh ngày 16/5/2014, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung không có.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Hồng N vắng mặt không lý do, mặc dù đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã cơ bản đã thực hiện quy định tại Điều 196, 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa cơ bản tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Những người tham gia tố tụng trong vụ án gồm có nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về ly hôn chị Nguyễn Thị Thúy H về việc ly hôn với anh Nguyễn Hồng N; về con chung giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Tùng D sinh ngày 13/10/2011 và Nguyễn Hồng L sinh ngày 16/5/2014, anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con; tài sản chung không có, nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát Nhân dân thị xã Đông Triều.

[1]. *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con số: 170/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/5/2022, giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy H sinh năm 1988, địa chỉ tổ 1, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh với bị đơn anh Nguyễn Hồng N sinh năm 1980, địa chỉ tổ 1, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị H có mặt, anh N vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Nên Tòa án Nhân dân thị xã Đông Triều tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân:* chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Nguyễn Hồng N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/12/2010 tại Ủy ban nhân dân phường

Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Nguyễn Hồng N có thời gian chung sống hạnh phúc được tám năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do hai người bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên đánh, cãi chửi nhau khiến cho cuộc sống luôn căng thẳng, chính vì vậy mà chị H và anh N đã sống ly thân nhau, quá trình sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nếu hôn nhân tiếp tục duy trì, không đem lại hạnh phúc cho nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án, mặc dù đều nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hợp lệ của Tòa án. Cho nên, xác định anh N cũng không có nguyện vọng tham gia hòa giải do Tòa án tiến hành đề về đoàn tụ. Vì vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, nếu đời sống hôn nhân tiếp tục kéo dài sẽ không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung*: chị H và anh N có hai con chung Nguyễn Tùng D sinh ngày 13/10/2011 và Nguyễn Hồng L sinh ngày 16/5/2014. Sau ly hôn chị H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án anh N đã được Tòa án triệu tập, thông báo lên làm việc để có ý kiến về nội dung chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, việc nuôi con sau ly hôn tuy nhiên anh N không tham gia quá trình làm việc tại Tòa án và không có ý kiến gì. Bản thân chị H hiện nay có công việc ổn định với thu nhập mười lăm triệu đồng mỗi tháng, có chỗ ở đảm bảo điều kiện sinh hoạt của ba mẹ con và chị H có thời gian chăm sóc con cái. Do vậy, Tòa án giao hai con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, cũng phù hợp với nguyện vọng của hai con chung tại biên bản lấy lời khai.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại đơn khởi kiện chị H yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Tùng D 3.000.000^d/tháng, tuy nhiên quá trình giải quyết chị H nhận thấy do tình hình dịch bệnh covid 19 kéo dài khiến anh N công việc cũng như thu nhập chưa ổn định nên chị H đã thay đổi không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, nội dung thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do vậy anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5]. *Về tài sản chung, nợ chung*: chị H xác định không có tài sản chung, không có nợ chung. Chị H và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí:*

Chị Nguyễn Thị Thúy H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

[7]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Mục 1.1 khoản 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Xử:

1. *Về hôn nhân:* chị Nguyễn Thị Thúy H được ly hôn anh Nguyễn Hồng N.

2. *Về con chung:*

Giao hai con chung Nguyễn Tùng D sinh ngày 13/10/2011 và Nguyễn Hồng L sinh ngày 16/5/2014 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 8/2022 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi), anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về tài sản chung và các khoản nợ:* chị H xác định không có tài sản chung, không có nợ chung. Chị H và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. *Về án phí:*

Chị Nguyễn Thị Thúy H phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009453 ngày 12/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Thúy H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Hồng N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Đông Triều;
- Chi cục THADS thị xã Đông Triều;
- UBND phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều
(Nơi đăng ký kết hôn);
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Mạnh Cường

